TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/HNGĐ - ST.
Ngày 05 - 05 - 2025.
V/v tranh chấp: "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - HÀ NAM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hoa và bà Nguyễn Thị Huê.
- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Ngân - Là thư ký Tòa án thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2025 và quyết định hoãn phiên toà số: 19/2025/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị H, sinh năm 1999; Địa chỉ: Tổ 4, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn:** Anh Đinh Xuân H1, sinh năm 1995; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt chị H , vắng mặt anh H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các biên bản tự khai nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Phạm Thị H và anh Đinh Xuân H1 kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/2019 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, ỉnh Hà Nam. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Chị H và anh H1 đều cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã to tiếng. Ngoài ra, chị H còn trình bày anh H1 không chịu khó làm ăn, mải chơi bời, không quan tâm đến gia đình. Chị H cũng đã cố gắng níu kéo hạnh phúc gia đình bằng cách cả vợ chồng cùng về nhà bố mẹ đẻ chị H sinh sống để thay đổi môi trường nhưng anh

H1 vẫn không thay đổi, cuộc sống hôn nhân vẫn trong tình trạng bế tắc. Do cuộc sống quá căng thẳng nên từ tháng 12/2023 đến nay chị H và anh H1 đã sống ly thân mỗi người một nơi và không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H và anh H1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị giải quyết ly hôn. anh đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đinh Thị Hải A, sinh ngày 14/05/2017 (con gái). Khi vợ chồng ly hôn, chị H và anh H1 đều có nguyện vọng xin trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hải A. Trong trường hợp chị H được nuôi con, chị yêu cầu anh H1 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị H và anh H1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị H và anh H1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại văn bản trình bày ý kiến cháu Đinh Thị Hải A có nguyện vọng muốn nếu có việc ly hôn thì xin ở với mẹ để được quan tâm chăm sóc.

**** Tại phiên toà sơ thẩm hôm nay:***

Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về xin được ly hôn, về nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.Về con riêng, con nuôi, tài sản, công nợ chung của vợ chồng: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng cứ đúng quy định đúng quy định; tổ chức phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa, theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147; 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự .

Điều 51; 55; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 của Quốc hội 25/11/2015; Nghị quyết 326/NQ - QH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Đinh Xuân H1.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao chị Hà được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đinh Thị Hải A. Anh H1 có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản và công nợ chung: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

Về án phí sơ thẩm : Các đương sự phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Đinh Xuân H1 có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại địa chỉ: Tổ dân phố T , phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung" giữa chị Phạm Thị H và anh Đinh Xuân H1 thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do vì vậy việc xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam ngày 20 tháng 11 năm 2018 đảm bảo trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng đã có 4 năm chung sống hạnh phúc nhưng cả hai đều không biết trân trọng, gìn giữ hôn nhân nên tình cảm vợ chồng trở nên lạnh nhạt, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không giải tỏa được. Để giải quyết mâu thuẫn chị H đã lựa chọn sống ly thân. Trong khoảng thời gian sống ly thân từ năm 2023 trở lại đây chị H và anh H1 không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay cả hai đều nhận thấy không còn tình cảm, vợ chồng không thể đoàn tụ cho thấy: mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Cả chị H và anh H1 đều có mong muốn được ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 51, 53, 54, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Đinh Xuân H1 là phù hợp thực tế và đúng pháp luật. Thời điểm chấm dứt hôn nhân của đôi bên kể từ ngày bản án xử ly hôn của Toà có hiệu lực pháp luật theo Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

[4] Về con chung: Nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung duy nhất của đôi bên đương sự là chính đáng. Tuy nhiên xét hoàn cảnh cụ thể con chung đang ở cùng mẹ, nguyện vọng trực tiếp của con chung và đảm bảo sự ổn định nên khi ly hôn cần giao chị H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hải A. Anh H1 có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 2.000.000đ/tháng. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung khi ly hôn thực hiện theo pháp luật quy định. Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có con nuôi, con riêng, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập.

[5] Về tài sản, và công nợ chung: Chị H và anh H1 không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh H1 phải nộp theo quy định pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 68; 143; 144; 147; 227; 228; 271; 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51; 53, 54, 55; 57; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị Quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

1. Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Đinh Xuân H1.

2. Về con chung: Giao chị Phạm Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đinh Thị H A, sinh ngày 15/4/2017 (con gái). Anh H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 5/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về con nuôi, con riêng: Chị H, anh H1 không có con nuôi, con riêng, không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H, anh H1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm

- Án phí ly hôn: Chị Phạm Thị H và anh Đinh Xuân H1 mỗi người phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 75.000đ (bảy mươi lăm nghịn đồng). Chị Phạm Thị H được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000525 ngày 21/12/2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý. Chị Phạm Thị H được nhận lại 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí.

- Án phí cấp dưỡng: Anh H1 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm chị H có mặt, được quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh H1 vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
- UBND phường T, thành phố Pý, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Mai Oanh